

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/DS-PT
Ngày: 28/7/2020
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiềm Quốc Khanh

Các Thẩm phán:

1. Bà Võ Bích Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1953

1.2. Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm: 1954

Cùng trú tại: Ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phạm Xuân T**, sinh năm: 1987; Trú tại: Phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Trần Văn C**, sinh năm: 1954

2.2. Bà **Phan Thị Đ**, sinh năm: 1957

Cùng trú tại: Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm: 1965; Trú tại: Phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3.2. Ông **Lưu Văn H**, sinh năm: 1968; Trú tại: Phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông **Trần Văn C** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Văn T và Huỳnh Thị L, có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Xuân T trình bày:

Vào năm 2007, ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị L có bảo lãnh cho ông Trần Văn C vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng). Phương thức bảo lãnh là ông T, bà L thế chấp quyền sử dụng đất cấp cho ông T đứng tên thuộc các thửa đất số 205, 262, 263 và 264 được thể hiện theo hợp đồng thế chấp số HĐ5016/HĐTC ngày 20/12/2007. Khi ông T, bà L bảo lãnh cho ông C thì ông C có cho ông T mượn 50.000.000 đồng, không lấy tiền lãi. Quá trình vay nợ Ngân hàng, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Tòa án tuyên buộc ông C, bà Đ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tổng cộng là 936.065.500 đồng. Do ông C, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo bản án nên cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mà ông bà bảo lãnh cho ông C vay nợ Ngân hàng. Do đó, ông T và bà L yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn C và bà Phan Thị Đ trả cho ông T, bà L tổng số tiền là 1.066.078.156 đồng và tiền lãi tính từ ngày tài sản bị phát mãi là ngày 28/01/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Ông C và bà Đ còn phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông, bà số tiền 644.312.844 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc bị đơn bồi thường thiệt hại.

- Theo nội dung bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Văn C trình bày:

Giữa ông với ông Lê Văn T và ông Nguyễn Văn Tr có thỏa thuận miệng với nhau là ông sẽ đứng tên vay Ngân hàng 500.000.000 đồng, còn ông T sẽ bảo lãnh bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất. Sau khi thực hiện xong thủ tục vay vốn, Ngân hàng giải ngân cho ông 500.000.000 đồng thì ông giao lại toàn bộ cho ông Tr. Ông Tr có viết biên nhận và hứa sẽ cho ông 20% tiền lợi nhuận thu được từ bơm cát. Mỗi tháng, ông Tr đều đưa tiền cho ông để trả tiền lãi cho Ngân hàng, tổng cộng trả lãi được 68.000.000 đồng. Thời gian sau thì ông Tr mất khả năng thanh toán, không đưa tiền cho ông để trả lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện. Tòa án cũng đã giải quyết vụ việc vay tiền Ngân hàng, cơ quan Thi hành án dân sự cũng đã phát mãi tài sản thế chấp của ông T để thu hồi

nợ. Nay ông T, bà L khởi kiện yêu cầu ông trả tiền thì ông không đồng ý vì nghĩa vụ trả tiền cho ông T, bà L là của ông Tr chứ không phải ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Văn H trình bày:*

Vào tháng 12/2007, ông có giới thiệu ông Nguyễn Văn Tr để nhờ ông Trần Văn C vay giúp 500.000.000 đồng và dùng tài sản thế chấp của ông Lê Văn T để đảm bảo nợ vay. Ông là người trực tiếp làm hồ sơ vay tiền cho ông Tr để bổ sung vốn kinh doanh bơm cát. Sau khi ông C nhận số tiền 500.000.000 đồng từ Ngân hàng, ông C giao lại cho ông Tr 300.000.000 đồng, đưa cho ông 150.000.000 đồng để trả tiền bơm cát và ông T mượn 50.000.000 đồng. Phần tiền lãi của ông T thì ông Tr hứa sẽ trả thay cho ông T. Nay ông T, bà L khởi kiện yêu cầu ông C trả tiền thì ông đề nghị ông Tr, ông T và ông là những người nhận tiền vay từ ông C có nghĩa vụ phải trả lại số tiền vay Ngân hàng để bù lại thiệt hại cho ông T.

Đối với bị đơn Phan Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Tr thì vắng mặt trong suốt quá trình làm việc mặc dù Tòa án nhân dân quận N đã triệu tập hợp lệ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 06/01/2020 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn T và Huỳnh Thị L.

Buộc ông Trần Văn C và bà Phan Thị Đ phải trả cho ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị L tổng số tiền là 1.099.904.603 đồng. Trong đó, số tiền gốc 1.016.078.156 đồng và tiền lãi 83.826.447 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường thiệt hại 644.312.844 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án; dành quyền khởi kiện cho ông C, bà Đ đối với ông Nguyễn Văn Tr và ông Lưu Văn H trong vụ kiện khác; quyền kháng cáo và án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2020 bị đơn Trần Văn C kháng cáo bản án với nội dung đề ông H trả cho ông T, bà L 150.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh 9%/năm (tính từ ngày 20/12/2007 - 06/01/2020) để trừ vào số tiền 1.099.904.603 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông trả cho ông T, bà L. Đồng thời, ông T, bà L phải chịu tiền lãi với lãi suất 9%/năm trên số tiền 50.000.000 đồng để khấu trừ nợ.

Còn nguyên đơn, bị đơn Phan Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án. Về tố tụng thì Kiểm sát viên cho rằng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Còn về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền mà nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ vay cho bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thủ tục kháng cáo của bị đơn Trần Văn C theo đúng thời hạn, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là hợp lệ.

[3] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị đơn ông C và bà Đ có ký kết hợp đồng tín dụng vay 500.000.000 đồng tại Ngân hàng vào ngày 20/12/2007. Để đảm bảo nợ vay, nguyên đơn ông T, bà L thế chấp quyền sử dụng đất, bảo lãnh nợ vay cho ông C, bà Đ. Tuy nhiên, do ông C, bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2011/KDTM-ST ngày 22/6/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 91/2012/KDTM-PT ngày 23/02/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc ông C, bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng với số tiền gốc và lãi là 936.065.500 đồng. Do ông C, bà Đ không trả nợ vay nên cơ quan Thi hành án đã phát mãi tài sản thế chấp. Giá trị tài sản phát mãi để thi hành án trả nợ cho Ngân hàng là 1.066.078.156 đồng. Do đó, ông T, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà Đ phải trả lại số tiền mà ông T, bà L đã hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho ông C, bà Đ và tiền lãi kể từ ngày tài sản bị bán phát mãi là ngày 28/01/2019 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 9%/năm trên số tiền 1.066.078.156 đồng. Sau khi đã căn trừ vào số tiền 50.000.000 đồng mà ông T vay của ông C, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 305 và Điều 367 của Bộ luật Dân sự năm 2005, buộc ông C, bà Đ phải trả cho T, bà L tổng số tiền gốc và lãi 1.099.904.603 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, bên được bảo lãnh là ông C, bà Đ phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với bên bảo lãnh là ông T, bà L sau khi ông T, bà L đã hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh. Bên cạnh đó, tại giai đoạn sơ thẩm, ông C, bà Đ cũng không có yêu cầu phản tố phần tiền cho ông T vay nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét phần yêu cầu tính lãi.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 305, Điều 361 và Điều 367 của Bộ luật Dân sự năm 2005.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Văn C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Tuyên xử:*

1. Buộc bị đơn Trần Văn C và Phan Thị Đ trả cho nguyên đơn Lê Văn T và Huỳnh Thị L tổng số tiền là 1.099.904.603 đồng. Trong đó, số tiền gốc 1.016.078.156 đồng và tiền lãi 83.826.447 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Văn C và Phan Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Trần Văn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Cần Thơ;
- Cục T.H.A.DS thành phố Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân quận N;
- Chi cục T.H.A DS quận N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Thiền Quốc Khanh